

UNIT 5: WHO WORKS IN OUR COMMUNITY? Lesson 19: Numeracy

I. Nội dung buổi học:

- Học sinh hiểu về cách biểu diễn và ý nghĩa của số 60.

II. Key vocabulary:

10

Ten
(Số mười)



20

Twenty
(Số hai mươi)



30

Thirty
(Số ba mươi)



40

Forty
(Số bốn mươi)



50 60

Fifty

(Số năm mươi)



Sixty

(Số sáu mươi)



III. Key language:



How many (people) can you see? Let's count by tens. Sets of ten. Six sets of ten.

